

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017**

---

Tháng 8 năm 2017

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 47

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Đặng Ngọc Thanh	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên
Ông Dominic Scriven	Thành viên
Ông Kang Sang In	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
Ông John Eric T. Francia	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Thanh	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Quốc Bình	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Khắc Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Châu	Giám đốc đầu tư
Bà Nguyễn Thị Thu Trà	Giám đốc tài chính
Bà Nguyễn Thị Hồng Diệp	Giám đốc kế hoạch hành chính (Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2017)
Ông Nguyễn Quyết Chiến	Giám đốc kế hoạch hành chính (Miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2017)
Bà Nguyễn Quỳnh Hương	Giám đốc Phát triển dự án và quản lý vốn

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC** (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**Lê Quốc Bình**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 29 tháng 8 năm 2017





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Address: 15<sup>th</sup> Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi  
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 34.08/2017/BCSX-IFC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, được lập ngày 29 tháng 8 năm 2017, từ trang 4 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### *Kết luận của Kiểm toán viên*

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ



**Lương Xuân Trường**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1741-2013-072-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

MẪU SỐ B 01a-DN

Đơn vị: VND

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 bởi Bộ Tài chính)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.986.171.242.567</b>	<b>2.030.250.945.659</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>138.901.921.642</b>	<b>249.059.008.478</b>
1. Tiền	111		37.759.816.754	207.916.903.590
2. Các khoản tương đương tiền	112		101.142.104.888	41.142.104.888
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>8.521.309.729</b>	<b>15.781.111.111</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	15.d	8.521.309.729	15.781.111.111
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.759.719.003.062</b>	<b>1.646.102.791.414</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.a	251.929.430.507	537.667.740.507
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.781.271.440	516.055.099.071
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8.a	1.244.615.379.286	478.307.301.956
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	268.029.150.196	122.708.878.247
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10.a	(8.636.228.367)	(8.636.228.367)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>75.033.694.199</b>	<b>69.178.898.763</b>
1. Hàng tồn kho	141	11	75.033.694.199	69.178.898.763
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.995.313.935</b>	<b>50.129.135.893</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		248.540.877	47.513.319.577
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18.a	3.746.773.058	2.615.816.316



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

MẪU SỐ B 01a-DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 bởi Bộ Tài chính)  
 Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.269.032.229.442</b>	<b>4.793.426.141.522</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>978.425.298.813</b>	<b>897.794.501.190</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6.b	215.000.000.000	215.000.000.000
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8.b	155.279.740.953	84.211.069.720
3. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	649.558.239.440	639.996.113.050
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10.b	(41.412.681.580)	(41.412.681.580)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>168.035.715.041</b>	<b>288.589.913.261</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.541.725.214	1.735.660.334
- Nguyên giá	222		5.380.773.400	5.380.773.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.839.048.186)	(3.645.113.066)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	166.493.989.827	286.854.252.927
- Nguyên giá	228		1.058.840.204.896	1.058.840.204.896
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(892.346.215.069)	(771.985.951.969)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>95.113.249.524</b>	<b>659.298.967.395</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	95.113.249.524	659.298.967.395
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>15</b>	<b>4.994.033.832.766</b>	<b>2.892.014.291.376</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	15.a	4.031.953.067.199	994.917.549.813
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15.b	706.004.158.687	1.551.027.945.862
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15.c	110.673.611.917	375.228.245.116
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	15.b	(34.597.005.037)	(29.159.449.415)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	15.d	180.000.000.000	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>33.424.133.298</b>	<b>55.728.468.300</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	33.424.133.298	55.728.468.300
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>8.255.203.472.009</b>	<b>6.823.677.087.181</b>





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

MẪU SỐ B 01a-DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 bởi Bộ Tài chính)  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.393.799.956.147</b>	<b>3.933.862.842.391</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.324.044.849.291</b>	<b>1.707.977.544.396</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17.a	3.524.797.466	24.638.409.210
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.133.012.873	37.778.543.837
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18.b	-	26.738.656.830
4. Phải trả người lao động	314		11.593.177.896	33.596.414.979
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	2.412.465.054.765	1.111.148.514.441
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.a	850.727.196.598	450.622.334.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		43.601.609.693	23.454.671.099
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.069.755.106.856</b>	<b>2.225.885.297.995</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	17.b	141.295.510.800	141.295.510.800
2. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	118.079.094.336	253.350.299.759
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.b	897.392.332.000	1.763.483.487.436
4. Trái phiếu chuyển đổi	339	21	912.988.169.720	67.756.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.861.403.515.862</b>	<b>2.889.814.244.790</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>2.861.403.515.862</b>	<b>2.889.814.244.790</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.798.064.150.000	2.748.282.370.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.798.064.150.000	2.748.282.370.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		385.185.572.877	380.201.352.877
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		2.481.830.280	-
4. Cổ phiếu quỹ	415		(804.209.093.000)	(804.209.093.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		193.013.957.959	160.185.827.426
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		286.867.097.746	405.353.787.487
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		207.000.826.572	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		79.866.271.174	405.353.787.487
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>8.255.203.472.009</b>	<b>6.823.677.087.181</b>

  
 Nguyễn Thị Tuyết Nhung  
 Người lập biểu  
 Ngày 29 tháng 8 năm 2017

  
 Nguyễn Thị Mai Hương  
 Kế toán trưởng


  
 Lê Quốc Bình  
 Tổng Giám đốc




**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

MẪU SỐ B 02a-DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 bởi Bộ Tài chính)  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	182.364.035.000	197.849.130.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	7.788.000.000	7.788.000.000
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	23	174.576.035.000	190.061.130.000
4. Giá vốn hàng bán	11	24	124.007.543.800	134.537.408.400
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		50.568.491.200	55.523.721.600
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	213.413.848.415	591.419.774.163
7. Chi phí tài chính	22	26	150.534.767.298	167.596.008.835
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		138.158.839.434	166.851.499.001
8. Chi phí bán hàng	25	27	1.535.266.556	1.645.923.879
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	23.710.481.007	(28.167.949.619)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		88.201.824.754	505.869.512.668
12. Chi phí khác	32	29	18.624.394	49.978.334
13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(18.624.394)	(49.978.334)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		88.183.200.360	505.819.534.334
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30		74.744.029.944
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		88.183.200.360	431.075.504.390

  
Nguyễn Thị Tuyết Nhung  
Người lập biểu  
Ngày 29 tháng 8 năm 2017

  
Nguyễn Thị Mai Hương  
Kê toán trưởng

  
Lê Quốc Bình  
Tổng Giám đốc





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

MẪU SỐ B 03a-DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 bởi Bộ Tài chính)  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>	<b>88.183.200.360</b>	<b>505.819.534.334</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2	120.554.198.220	130.774.360.920
Các khoản dự phòng	3	5.437.555.622	(20.887.586.020)
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(211.556.049.631)	(584.203.421.706)
Chi phí lãi vay	6	138.158.839.434	166.851.499.001
Các khoản điều chỉnh khác	7	8.440.000.000	(25.466.953.696)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>	<b>149.217.744.005</b>	<b>172.887.432.833</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(504.498.735.320)	(83.288.734.314)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	-	(13.723.299)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	447.583.927.970	38.970.694.670
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(271.554.284)	(1.924.231.016)
Tiền lãi vay đã trả	14	(96.592.988.834)	(144.445.969.223)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(22.488.187.298)	(20.944.502.034)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	5.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(27.049.793.761)</b>	<b>(38.754.032.383)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(19.045.342.655)	(436.338.414.436)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	702.000.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.060.218.671.233)	(517.689.502.373)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	276.476.075.350	616.592.837.837
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.698.590.031.090)	(335.920.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	303.776.897.000	205.665.122.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	148.405.128.453	209.853.682.069
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.347.195.944.175)</b>	<b>(257.836.274.903)</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.761.221.823.398	1.496.306.676.311
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.209.477.838.912)	(1.006.926.196.217)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(287.655.333.386)	(412.594.690)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>1.264.088.651.100</b>	<b>488.967.885.404</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(110.157.086.836)</b>	<b>192.377.578.118</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>249.059.008.478</b>	<b>410.397.717.943</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>138.901.921.642</b>	<b>602.775.296.061</b>
<b>Số dư tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>138.901.921.642</b>	<b>602.775.296.061</b>

**Các thông tin bổ sung cho Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ:**

Dòng tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác (mã số 22) thể hiện số tiền Công ty thu về từ việc chuyển giao dự án xây dựng hạ tầng Khu đô thị mới Thủ Thiêm cho Công ty TNHH MTV Bắc Thủ Thiêm.


Dòng tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm (mã số 25) bao gồm số tiền thuần Công ty đã chi đầu tư vào công ty con là 1.519.007.571.524 VND và chi đầu tư vào Công ty liên kết là 179.582.459.566 VND.


Dòng tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm (mã số 26) bao gồm tiền thu được từ việc chuyển nhượng các cổ phần các công ty cổ phần trong năm trước 285.797.761.706 VND, tiền thu được từ việc chuyển nhượng đầu tư vào công ty liên kết là 5.408.235.294 VND và thu hồi đầu tư vào công ty khác là 12.570.900.000 VND.

Dòng tiền thu được từ đi vay trong kỳ (mã số 33) bao gồm tiền vay từ các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng là 1.148.043.644.398 VND, thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi là 902.480.000.000 đồng nhận hỗ trợ vốn kinh doanh từ các bên liên quan trong tập đoàn là 710.698.179.000 VND.

Dòng tiền trả nợ gốc vay trong kỳ (mã số 34) bao gồm tiền thanh toán các khoản vay cho các ngân hàng và các tổ chức tín dụng có giá trị là 829.639.973.182 VND, hoàn trả tiền hỗ trợ vốn kinh doanh cho các bên liên quan trong tập đoàn là 214.837.865.730 VND và tiền thanh toán trái phiếu là 165.000.000.000 VND.

Nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu chuyển đổi của Công ty đã thực hiện chuyển đổi tổng trái phiếu trị giá 54.766.000.000 đồng thành cổ phiếu. Một khoản tăng vốn chủ sở hữu do giảm nợ vay tương ứng đã được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán mà không ảnh hưởng đến các dòng tiền của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

  
 Nguyễn Thị Tuyết Nhung  
 Người lập biểu  
 Ngày 29 tháng 8 năm 2017

  
 Nguyễn Thị Mai Hương  
 Kế toán trưởng

  
 Lê Quốc Bình  
 Tổng Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

MẪU SỐ B 09a-DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 bởi Bộ Tài chính)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000747 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2001 và qua các lần thay đổi. Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 2.798.064.150.000, chia thành 279.806.415 cổ phần (tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 là 2.748.282.370.000 VND, được chia thành 274.828.237 cổ phần bằng nhau), mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 50 Tôn Thất Đạm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017: 126 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 125).

**Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); kinh doanh bất động sản; thực hiện thu phí giao thông đường bộ; sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình đường ống thoát nước.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); thực hiện thu phí giao thông đường bộ; đầu tư và quản lý các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ hoạt động**

Ngày 24 tháng 11 năm 2016 Công ty và nhà đầu tư Keb Hana Banktrustee And Custodian Business (Ngân hàng đại diện cho Quỹ Đầu tư Rhinos Asset Management (“RAM”) đã ký Hợp đồng đặt mua trái phiếu trị giá 40 triệu USD. Ngày 5 tháng 1 năm 2017, Công ty chính thức phát hành trái phiếu chuyển đổi cho RAM và thu về 40 triệu USD.

Ngày 16 tháng 1 năm 2017, Công ty CII đã hoàn tất việc mua lại cổ phần và tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil (“VPII”) lên hơn 99,99%. Như vậy, kể từ ngày 16 tháng 1 năm 2017, VPII chính thức trở thành công ty con của Công ty.

Ngày 17 tháng 2 năm 2017, Công ty đã thực hiện thành công giao dịch mua 10.238.570 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (“CII B&R”) và tăng tỷ lệ sở hữu lên 54,31%, CII B&R tiếp tục trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Để cơ cấu lại danh mục đầu tư, Công ty tiếp tục mua vào cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (“NBB”). Đến ngày 24 tháng 5 năm 2017, số lượng cổ phiếu NBB mà Công ty nắm giữ là 29.178.878 đơn vị, nâng tỷ lệ sở hữu lên 30,47%. Do đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy tiếp tục trở thành công ty liên kết của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**1. THÔNG TIN KHAI QUÁT** (tiếp theo)

Ngày 18 tháng 5 năm 2017, Công ty đã thực hiện thành công giao dịch mua 830.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII ("CII E&C"), nâng tỷ lệ sở hữu từ 49% lên 51%, Công ty CII E&C tiếp tục trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Ngày 23 tháng 6 năm 2017, nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2014 (CII41401) đã thực hiện chuyển đổi đợt 4 cho 54.766 trái phiếu tương đương tổng mệnh giá 54,766 tỷ đồng thành 4.978.178 cổ phiếu với tỷ lệ chuyển đổi là 1:90,9. Vốn điều lệ của Công ty đã tăng 49.781.780.000 đồng sau đợt chuyển đổi trái phiếu lần này.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào chín (09) công ty con và ba (03) công ty liên doanh, liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
<b>Các công ty con</b>				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R)	Tp. Hồ Chí Minh	54,31%	54,31%	Đầu tư vào các dự án cầu đường
2. Công ty TNHH MTV Bắc Thủ Thiêm	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư vào dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc (khu chức năng số 3 và số 4) và hoàn thiện đường trục Bắc - Nam (đoạn từ chân cầu Thủ Thiêm 1 đến Mai Chí Thọ) trong khu đô thị mới Thủ Thiêm theo hợp đồng B.T
3. Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil (VPII)	TP. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Kinh doanh hạ tầng nước, môi trường
4. Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (SII)	Tp. Hồ Chí Minh	50,61%	50,61%	Kinh doanh hạ tầng nước, môi trường
5. Công ty CP Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	Tp. Hồ Chí Minh	100%	90%	Kinh doanh bất động sản
6. Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C)	TP. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Thi công xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật
7. Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ gia	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng
8. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Tp. Hồ Chí Minh	98,85%	98,85%	Xây dựng, lắp đặt các công trình giao thông, cấp-thoát nước, thu phí giao thông cầu Bình Triệu
9 Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ thu phí giao thông, dịch vụ hạ tầng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)** MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)**

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
<b>Các công ty liên doanh, liên kết</b>				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (NBB)	Tp. Hồ Chí Minh	30,47%	30,47%	Kinh doanh bất động sản
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Xa Lộ Hà Nội	TP. Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
3. Công ty Cổ phần Hòa Phú	TP. Hồ Chí Minh	28,95%	28,95%	Đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng công nghiệp

Ngoài các công ty đang đầu tư trực tiếp, Công ty cũng thực hiện đầu tư gián tiếp vào các công ty con và công ty liên doanh, liên kết thông qua các công ty con khác như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
-------------	----------------------------	-------------------	----------------------------	-----------------

**Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua CII B&R**

**Công ty con**

1. Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	TP. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	TP. Hồ Chí Minh & Tỉnh Ninh Thuận	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
4. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	TP. Hồ Chí Minh & Tỉnh Ninh Thuận	100%	100%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
5. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	TP. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư xây dựng các dự án cầu đường
6. Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	TP. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư xây dựng các dự án cầu đường
7. Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	51,75%	51,75%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60
8. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)** MẪU SỐ B 09a-DN  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)**

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
<b>Công ty liên doanh</b>				
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	TP. Hồ Chí Minh	10%	10%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận
<b>Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua SII</b>				
<b>Công ty con</b>				
1. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro (Enviro)	Tp. Hồ Chí Minh	85%	85%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	Tỉnh Lâm Đồng	90%	90%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku	Tỉnh Gia Lai	55%	55%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
4. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Tp. Hồ Chí Minh	50,98%	50,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
5. Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước châu Á	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và chống thất thoát nước
6. Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - Cần Thơ	Tp. Hồ Chí Minh	77%	77%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
7. Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	Tỉnh Gia Lai	51%	51%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
8. Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	51%	51%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
9. Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	Tp. Hồ Chí Minh	100%	71%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
<b>Công ty liên kết</b>				
1. Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa	Tp. Hồ Chí Minh	29%	29%	Cung cấp dịch vụ thu hộ tiền nước sinh hoạt
2. Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	Tp. Hồ Chí Minh	43%	43%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo) MÃU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**Cấu trúc doanh nghiệp** (tiếp theo)

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
-------------	----------------------------	-------------------	----------------------------	-----------------

**Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua CII E&C**

**Công ty con**

1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá
2. Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây dựng CII E&C	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
3. Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Xây dựng công trình kỹ thuật
4. Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia (nhận chuyển nhượng từ Công ty CII B&R)	Tp. Hồ Chí Minh	99,81%	99,81%	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện; kinh doanh bất động sản

**Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII**

**Công ty con**

1. Công ty TNHH Dịch vụ MCSC (MCSC)	Tỉnh Bình Dương	100%	100%	Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông đường bộ
-------------------------------------	-----------------	------	------	--

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.



#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### **Các khoản đầu tư tài chính**

###### ***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính.

###### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn từ sau ngày mua được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi và các khoản lợi ích khác mà Công ty được hưởng trước khi nắm giữ khoản đầu tư được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo) **MÃU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)

***Đầu tư vào công ty con***

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có được quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của các công ty đó.

***Góp vốn liên doanh***

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư từ sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các lợi ích khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận giảm trừ vào giá gốc của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài Chính.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cũng được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài Chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo cam kết hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	07 - 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền thu phí giao thông, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty và Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án theo hợp đồng đã ký.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo phương pháp tỷ trọng doanh thu. Giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ giữa doanh thu thu được hàng năm và tổng doanh thu ước tính.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các dự án B.O.T là chi phí phát sinh trong giai đoạn thu phí hoàn vốn đầu tư. Chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông của dự án.

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí bảo dưỡng đường xá, di dời trạm, chi phí in vé cầu đường, chi phí công cụ, dụng cụ ... Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, trong thời hạn từ 2 đến 3 năm.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Trái phiếu phát hành**

Các khoản trái phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính trên cơ sở giá trị thuần bằng giá trị của trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) chiết khấu trái phiếu cộng (+) các khoản phụ trội của trái phiếu.

Các khoản chiết khấu và phụ trội của trái phiếu được theo dõi chi tiết theo từng loại trái phiếu phát hành và phân bổ vào chi phí đi vay hàng kỳ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.



### **Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi được xác định riêng biệt thành giá trị cầu phần nợ (nợ gốc) và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả, cầu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí đi vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí đi vay phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Tại thời điểm đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả gốc trái phiếu.

Trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm và vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi tăng tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm. Phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần.

### **Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu hoạt động thu phí hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T*

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông đường bộ trong giai đoạn thu phí được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé cầu đường dưới các hình thức theo mức quy định của Nhà nước áp dụng trên mỗi tuyến đường bộ nhất định mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

*Doanh thu lãi bảo toàn vốn chủ đầu tư các dự án B.O.T*

Lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư vốn chủ sở hữu Công ty đầu tư vào dự án và tỷ suất lợi nhuận định mức 14% theo quy định của hợp đồng B.O.T. Khoản lợi nhuận này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí hàng năm của dự án. Công ty áp dụng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013 trong việc ghi nhận khoản lãi bảo toàn vốn chủ này.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này theo nguyên tắc: Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản được chuyển đổi theo tỷ giá mua và các khoản mục được phân loại là nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá bán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.



### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	202.118.695	1.599.783.685
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.557.698.059	206.317.119.905
Các khoản tương đương tiền	101.142.104.888	41.142.104.888
<b>Cộng</b>	<b>138.901.921.642</b>	<b>249.059.008.478</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ dưới 3 tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo) MÃU SỐ B 09a-DN  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phải thu từ việc bán phần vốn trong công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát (i)	215.000.000.000	215.000.000.000
Phải thu Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh về giá trị đầu tư dự án Tỉnh lộ 25B	36.663.160.758	36.663.160.758
Phải thu nhà đầu tư nhận chuyển nhượng cổ phần CII E&C	-	285.738.310.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	266.269.749	266.269.749
	<b>251.929.430.507</b>	<b>537.667.740.507</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Phải thu từ việc bán phần vốn trong công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát (i)	215.000.000.000	215.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>466.929.430.507</b>	<b>752.667.740.507</b>

(i) Đây là khoản phải thu về giá trị chuyển nhượng phần vốn góp trong công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát cho Công ty NBB với giá trị chuyển nhượng là 430 tỷ đồng. Theo thỏa thuận của hợp đồng chuyển nhượng, 50% giá trị khoản phải thu sẽ được NBB thanh toán cho Công ty khi Công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát ký thỏa thuận nhận chuyển nhượng lô đất có ký hiệu 3.13 với diện tích 5.823m<sup>2</sup> tại khu đô thị mới Thủ Thiêm từ Công ty. 50% còn lại sẽ được thanh toán khi Công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát có được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Trả trước cho nhà thầu dự án khu đô thị mới Thủ Thiêm (*)	-	504.785.512.566
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc</i>	-	277.020.884.437
<i>Công ty CII E&amp;C</i>	-	113.788.451.621
<i>Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh</i>	-	113.976.176.508
Các đối tượng khác	3.781.271.440	11.269.586.505
<b>Cộng</b>	<b>3.781.271.440</b>	<b>516.055.099.071</b>
<b>Trong đó, trả trước cho các bên liên quan:</b>		
Công ty CII E&C	-	113.788.451.621

(\*) Số dư trả trước cho các nhà thầu liên quan đến dự án Thủ Thiêm đã được chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm cùng với toàn bộ giá trị đầu tư của dự án đến ngày 31 tháng 3 năm 2017.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo) **MẪU SỐ B 09a-DN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phải thu các bên liên quan (*)	900.510.201.852	434.202.124.522
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc (i)	344.105.177.434	44.105.177.434
	<b>1.244.615.379.286</b>	<b>478.307.301.956</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công ty NBB (ii)	129.628.743.353	58.560.072.120
Các khoản hợp tác đầu tư vốn vào các dự án khác	25.650.997.600	25.650.997.600
	<b>155.279.740.953</b>	<b>84.211.069.720</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.399.895.120.239</b>	<b>562.518.371.676</b>

**Chi tiết phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan**

Công ty CII B&R (iii)	440.358.750.000	172.174.597.320
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội (iv)	242.058.833.606	194.958.833.606
Công ty CII E&C (v)	183.719.232.707	-
Công ty NBB	26.823.385.539	56.518.693.596
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ gia	7.550.000.000	7.550.000.000
Công ty TNHH MTV Bắc Thủ Thiêm	-	3.000.000.000
	<b>900.510.201.852</b>	<b>434.202.124.522</b>

Các khoản cho vay của Công ty phát sinh từ mục tiêu quản lý tiền nhằm tối đa hóa thu nhập tài chính từ các tài sản có tính thanh khoản cao hơn. Đối tượng vay chủ yếu là các bên liên quan trong nội bộ tập đoàn hoặc các đối tác chiến lược của Công ty.

(i) Khoản cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc vay bao gồm:

- Khoản cho vay theo hợp đồng ký ngày 2 tháng 12 năm 2015 với lãi suất cho vay cố định là 10%/năm. Hạn mức cho vay là 150 tỷ VND và có thời hạn giải ngân trong vòng 18 tháng. Số dư của khoản cho vay này tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 44.105.177.434. Đây là khoản cho vay theo hình thức tín chấp;
- Khoản cho vay theo hợp đồng ký ngày 9 tháng 1 năm 2017 với số tiền cho vay là 300 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay là 0,8%/tháng, được thanh toán vào ngày đáo hạn khoản cho vay. Bên vay cam kết sử dụng vốn vay từ hợp đồng này để đầu tư thực hiện dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận giai đoạn 1 theo hợp đồng B.O.T đã ký giữa Bộ Giao Thông Vận Tải và liên doanh các nhà đầu tư. Khoản cho vay được đảm bảo bằng toàn bộ quyền thu tiền từ Công ty Cổ phần BOT Trung Lương- Mỹ Thuận và quyền phát triển và thực hiện dự án tại lô đất có ký hiệu 1.18 trong khu đô thị mới Thủ Thiêm;

(ii) Khoản cho Công ty NBB vay dài hạn được thực hiện theo hợp đồng hợp tác đầu tư dự án Khu căn hộ nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp khu dân cư De Lagi. Thời hạn của hợp đồng là 5 năm kể từ ngày 12 tháng 1 năm 2016. Tổng giá trị vốn góp đầu tư dự án được xác định tại ngày ký hợp đồng tối đa là 500 tỷ VND và được điều chỉnh theo thỏa thuận giữa 2 bên. Trong đó, Công ty cam kết góp 40% tổng vốn đầu tư dự án.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo) **MẪU SỐ B 09a-DN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY** (tiếp theo)

(iii) Khoản cho Công ty CII B&R vay để góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương- Mỹ Thuận – Doanh nghiệp dự án thực hiện đầu tư xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ 1 phần vốn đầu tư cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc để đầu tư vào dự án này. Lãi suất cho vay được tính bằng lãi suất tiết kiệm tiền gửi cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân + biên độ 3%/năm.

(iv) Khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội vay để bổ sung vốn lưu động, thời hạn mỗi khoản vay là 12 tháng, lãi cho vay áp dụng trong kỳ 2016 trong khoảng từ 9,4% đến 10,5%.

(v) Khoản cho Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng vay để bổ sung vốn thi công xây dựng công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phía Bắc (Khu chức năng số 3 và số 4) và hoàn thiện đường trục Bắc - Nam trong khu đô thị mới Thủ Thiêm. Lãi suất cho vay cố định là 10%/năm. Thời hạn vay là 31 tháng 12 năm 2017.

**9. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	89.444.431.693	14.983.480.440
Phải thu về lãi trái phiếu, tiền gửi và các khoản cho vay	72.006.720.368	72.723.872.487
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T Cầu Rạch Chiếc	11.679.873.610	15.576.000.000
Các khoản chi hộ	564.511.200	11.984.136.646
Phải thu người lao động	433.129.308	1.195.000.000
Các khoản phải thu khác	93.900.484.017	6.246.388.674
	<b>268.029.150.196</b>	<b>122.708.878.247</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Vốn góp vào dự án Diamond Riverside theo hợp đồng BCC	492.869.280.000	492.869.280.000
Ký cược, ký quỹ	115.276.277.860	101.822.277.860
Nợ gốc trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng đã đáo hạn	41.412.681.580	41.412.681.580
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T Cầu Rạch Chiếc	-	3.891.873.610
	<b>649.558.239.440</b>	<b>639.996.113.050</b>
<b>Cộng</b>	<b>917.587.389.636</b>	<b>762.704.991.297</b>
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	156.335.914.006	36.939.842.455
Công ty VPPII	25.904.059.976	
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	6.574.620.000	6.222.180.000
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ gia	1.534.747.222	1.136.170.139
Công ty CII E&C	473.122.592	-
Công ty NBB	236.134.987	4.290.189.855
Công ty CII B&R	-	24.393.592.658
<b>Cộng</b>	<b>191.058.598.783</b>	<b>72.981.975.107</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**10. NỢ XẤU**

Nội dung	30/06/2017			01/01/2017			Tên đối tượng
	Nợ gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn Năm	Nợ gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn Năm	
<b>a. Ngắn hạn</b>							
Phải thu lãi trái phiếu	6.470.833.334	-	>3 năm	6.470.833.334	-	>2 năm	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng
Phải thu về lãi cho vay	2.165.395.033	-	>3 năm	2.165.395.033	-	>3 năm	Công ty Cổ phần Cổ Mễ - Vườn Việt
Phải thu về cổ tức được chia	-	-		-	-	>3 năm	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí PTL
	<b>8.636.228.367</b>	-		<b>8.636.228.367</b>	-		
<b>b. Dài hạn</b>							
Nợ gốc trái phiếu	41.412.681.580	-	>3 năm	41.412.681.580	-	>3 năm	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng
<b>Cộng</b>	<b>50.048.909.947</b>	-		<b>50.048.909.947</b>	-		
<b>Giá trị dự phòng đã trích lập</b>		<b>50.048.909.947</b>			<b>50.048.909.947</b>		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**11. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang; chi phí các dự án đang đầu tư	75.033.694.199	-	69.178.898.763	-

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2017	176.846.400	5.168.827.000	35.100.000	5.380.773.400
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>176.846.400</b>	<b>5.168.827.000</b>	<b>35.100.000</b>	<b>5.380.773.400</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2017	176.846.400	3.433.166.666	35.100.000	3.645.113.066
Khấu hao trong năm	-	193.935.120	-	193.935.120
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>176.846.400</b>	<b>3.627.101.786</b>	<b>35.100.000</b>	<b>3.839.048.186</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2017	-	1.735.660.334	-	1.735.660.334
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>-</b>	<b>1.541.725.214</b>	<b>-</b>	<b>1.541.725.214</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016 là 1.395.131.770 VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo) **MẪU SỐ B 09a-DN**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền thu phí giao thông VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2017	1.058.840.204.896
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>1.058.840.204.896</b>
 <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2017	771.985.951.969
Khấu hao trong kỳ	120.360.263.100
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>892.346.215.069</b>
 <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2017	286.854.252.927
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>166.493.989.827</b>

Công ty được quyền thu phí giao thông tại trạm Xa lộ Hà Nội để hoàn vốn đã ứng xây dựng cầu Rạch Chiếc mới theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền quản lý, thu phí giao thông ngày 2 tháng 12 năm 2008 ký với Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và các phụ lục. Công ty bắt đầu thực hiện thu phí từ 0h ngày 1 tháng 6 năm 2013. Nguyên giá của quyền thu phí này hiện đang được Công ty tạm xác định và có thể sẽ được điều chỉnh lại sau khi Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện quyết toán lại giá trị đầu tư của dự án Xây dựng Cầu Rạch Chiếc mới.

Công ty khấu hao quyền thu phí giao thông này theo phương pháp tỷ trọng doanh thu với tỷ lệ khấu hao là 66%.

Ngoài ra, Công ty đã sử dụng quyền thu phí tại trạm Xa Lộ Hà Nội để thực hiện ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty CII B&R (xem thêm thuyết minh số 19)

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Dự án B.O.T xây dựng Cao ốc Văn phòng 152 Điện Biên Phủ	88.394.753.274	84.708.934.835
Các dự án khác	6.718.496.250	13.626.115.156
Dự án B.T xây dựng hạ tầng Khu đô thị mới		
Thủ Thiêm (i)	-	560.963.917.404
<b>Cộng</b>	<b>95.113.249.524</b>	<b>659.298.967.395</b>

Dự án B.T xây dựng hạ tầng khu đô thị mới Thủ Thiêm là dự án được Nhà nước thanh toán bằng hình thức giao đất trong khu đô thị mới Thủ Thiêm để Công ty đầu tư xây dựng các dự án khác để phát triển mảng kinh doanh bất động sản. Tổng giá trị đầu tư của dự án là 2.641 tỷ đồng. Quỹ đất được đổi lấy giá trị hạ tầng là 9 lô đất trong khu đô thị mới Thủ Thiêm trị giá 2.855.307.970.508 VND. Đến ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty đã chuyển giao giá trị xây dựng dở dang của dự án này cho Công ty TNHH MTV Bắc Thủ Thiêm và một số chi phí dở dang của các dự án bất động sản nhằm khai thác quỹ đất trong khu đô thị mới Thủ Thiêm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>a. Đầu tư vào công ty con</b>						
Công ty CII B&R	1.250.893.797.031	-	2.482.288.514.400	-	-	-
Công ty TNHH MTV Bắc Thủ Thiên	921.631.000.000	-	-	10.151.000.000	-	-
Công ty VPII	635.908.740.024	-	-	-	-	-
Công ty SII	485.383.662.063	-	687.382.487.500	485.383.662.063	-	878.412.775.000
Công ty CP Đầu tư Cao ốc Văn phòng 152 Điện Biên Phủ	270.000.000.000	-	-	270.000.000.000	-	-
Công ty CII E&C	238.752.980.331	-	562.991.979.200	-	-	-
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ gia	150.000.000.000	-	-	150.000.000.000	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	69.382.887.750	-	-	69.382.887.750	-	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.031.953.067.199</b>	<b>-</b>	<b>3.732.662.981.100</b>	<b>994.917.549.813</b>	<b>-</b>	<b>878.412.775.000</b>
<b>b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>						
Công ty NBB	424.300.158.687	(5.097.005.037)	419.203.153.650	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	248.704.000.000	-	-	-	-	-
Công ty CP Hòa Phú	33.000.000.000	-	-	33.000.000.000	-	-
Công ty CII E&C	-	-	-	212.221.317.331	-	-
Công ty CII B&R	-	-	-	993.956.628.531	-	2.296.334.010.600
Công ty VPII	-	-	-	311.850.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>706.004.158.687</b>	<b>(5.097.005.037)</b>	<b>419.203.153.650</b>	<b>1.551.027.945.862</b>	<b>-</b>	<b>2.296.334.010.600</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>						
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	46.473.611.917	-		60.902.310.701	-	
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng	29.500.000.000	(29.500.000.000)		29.500.000.000	-	
Công ty BOT Cầu Phú Mỹ	29.700.000.000	-		29.700.000.000	-	
Công ty CP Du lịch Mê Kông - Mỹ Tho	5.000.000.000	-		5.000.000.000	-	
Công ty NBB	-	-	-	250.125.934.415	(29.159.449.415)	220.966.485.000
<b>Cộng</b>	<b>110.673.611.917</b>	<b>(29.500.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>375.228.245.116</b>	<b>(29.159.449.415)</b>	<b>220.966.485.000</b>

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty con đã niêm yết trên thị trường chứng khoán như Công ty CII B&R, Công ty SII, Công ty CII E&C được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Giá trị hợp lý của các công ty con còn lại không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo) **MẪU SỐ B 09a-DN**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**d. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	8.521.309.729	8.521.309.729	15.781.111.111	15.781.111.111
<b>Dài hạn</b>				
Đầu tư trái phiếu	180.000.000.000	180.000.000.000	-	-

Vào ngày 19 tháng 5 năm 2017, Công ty đã mua 120 trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội phát hành với tổng giá trị là 180.000.000.000 đồng, mệnh giá mỗi trái phiếu là 1 tỷ đồng, kỳ hạn trái phiếu là 5 năm (đáo hạn ngày 19 tháng 5 năm 2022). Lãi suất trái phiếu được áp dụng theo lãi suất thả nổi, 3 tháng điều chỉnh 1 lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng dành cho cá nhân được công bố bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam + biên độ 3.2%/năm. Đây là loại trái phiếu không có tài sản đảm bảo.

**16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí lãi vay dự án B.O.T Cầu Rạch Chiếc chờ phân bổ (i)	31.700.496.100	54.276.385.386
Chi phí in vé cầu đường chờ phân bổ	983.404.064	820.546.489
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	147.742.492	235.358.147
Chi phí bản quyền, phần mềm chờ phân bổ	268.378.834	396.178.278
Chi phí chờ phân bổ khác	324.111.808	-
<b>Cộng</b>	<b>33.424.133.298</b>	<b>55.728.468.300</b>

(i) Chi phí lãi vay của các khoản vay tài trợ cho dự án B.O.T cầu Rạch Chiếc mới phát sinh trong thời gian thu phí hoàn vốn được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ 13,2% trên doanh thu phát sinh trong kỳ. Phương pháp phân bổ chi phí lãi vay này đã được Bộ tài chính chấp thuận tại Công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013.

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Nợ gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Nợ gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a. Ngắn hạn</b>				
Công ty SII	2.660.462.296	2.660.462.296	23.160.462.296	23.160.462.296
Nhà cung cấp khác	864.335.170	864.335.170	1.477.946.914	1.477.946.914
	<b>3.524.797.466</b>	<b>3.524.797.466</b>	<b>24.638.409.210</b>	<b>24.638.409.210</b>
<b>b. Dài hạn</b>				
Công ty SII	141.295.510.800	141.295.510.800	141.295.510.800	141.295.510.800
<b>Cộng</b>	<b>144.820.308.266</b>	<b>144.820.308.266</b>	<b>165.933.920.010</b>	<b>165.933.920.010</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN** (tiếp theo)

	30/06/2017		01/01/2017	
	Nợ gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Nợ gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Trong đó, phải trả cho các bên liên quan</i>				
Công ty SII	143.955.973.096	143.955.973.096	164.455.973.096	164.455.973.096
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	250.035.588	250.035.588	236.304.816	236.304.816
Công ty CII E&C	-	-	11.332.527	11.332.527
	<b>144.206.008.684</b>	<b>144.206.008.684</b>	<b>164.703.610.439</b>	<b>164.703.610.439</b>

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/06/2017
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	1.130.956.742	1.130.956.742
Các khoản khác	2.615.816.316	-	-	2.615.816.316
<b>Cộng</b>	<b>2.615.816.316</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.746.773.058</b>
<b>b. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	324.007.349	324.007.349	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.488.187.298	-	22.488.187.298	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.250.469.532	8.702.950.599	12.953.420.131	-
Thuế nhà thầu	-	6.174.000.000	6.174.000.000	-
Các khoản khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>26.738.656.830</b>	<b>15.203.957.948</b>	<b>41.942.614.778</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	-	-
Bảo hiểm xã hội	197.819.455	22.435.605
Bảo hiểm y tế	-	3.958.830
Phải trả vốn hỗ trợ kinh doanh	1.607.364.641.342	855.409.499.158
Phải trả chi phí sử dụng vốn	41.656.362.434	20.960.720.486
Phải trả lãi trái phiếu	46.422.683.510	31.705.342.288
Phải trả lãi vay ngân hàng	9.537.625.358	20.105.851.778
Phải trả chi phí duy tu trạm thu phí	29.944.173.860	24.280.379.960
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.651.692.799	158.610.326.336
Các khoản thu hộ	313.983.133.147	-
Phải trả tiền nhận chuyển nhượng vốn đầu tư vào đơn vị khác	248.704.000.000	-
Vốn hợp tác đầu tư phải hoàn trả lại công ty con	108.774.224.581	-
Phải trả lãi chậm thanh toán	2.178.698.279	-
Các khoản phải trả khác	50.000.000	50.000.000
	<b>2.412.465.054.765</b>	<b>1.111.148.514.441</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Phải trả vốn hợp tác đầu tư (i)	118.079.094.336	253.350.299.759
	<b>118.079.094.336</b>	<b>253.350.299.759</b>
<b>Cộng</b>	<b>2.530.544.149.101</b>	<b>1.364.498.814.200</b>
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty VPII	664.397.161.643	150.867.104.169
Công ty TNHH MTV Bắc Thủ Thiêm	426.415.755.069	-
Công ty CII E&C	412.229.211.046	175.070.876.025
Công ty CII B&R	362.079.154.922	253.350.299.759
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	184.252.831.709	188.312.341.041
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	62.542.698.409	62.139.898.409
Công ty SII	2.178.698.279	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	1.511.464.042	-
	<b>612.564.847.361</b>	<b>503.802.539.209</b>

(i) Ngày 2 tháng 10 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CII B&R để khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội nhằm hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Tỷ lệ góp vốn đầu tư vào dự án của CII B&R là 99,5% và của Công ty là 0,5% trên tổng vốn đầu tư vào dự án bằng nguồn vốn chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động thu phí được chia theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2017		Phát sinh trong kỳ		01/01/2017	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Ngân hàng HDBank	400.000.000.000	400.000.000.000	500.000.000.000	200.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải - CN Cộng hòa	100.000.000.000	100.000.000.000	150.000.000.000	50.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Sài Gòn	71.068.671.233	71.068.671.233	71.068.671.233	-	-	-
Công ty CP Chứng Khoán Bản Việt	63.735.431.365	63.735.431.365	205.901.965.460	142.166.534.095	-	-
Ngân hàng BIDV- CN TP. Hồ Chí Minh	59.751.760.000		59.751.760.000	-	-	-
Ngân hàng Vietinbank CN 11 - TP. HCM	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
Công ty CP chứng khoán Tp. HCM	-	-	29.294.715.650	29.294.715.650	-	-
Công ty TNHH MTV Chứng khoán MayBank Kim Eng	-	-	27.522.056.437	27.522.056.437	-	-
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	156.171.334.000	156.171.334.000			250.622.334.000	250.622.334.000
Trái phiếu đến hạn (xem Thuyết minh b)	-	-			100.000.000.000	100.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>850.727.196.598</b>	<b>790.975.436.598</b>	<b>1.143.539.168.780</b>	<b>548.983.306.182</b>	<b>450.622.334.000</b>	<b>450.622.334.000</b>

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn:

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng HDBank	200.000.000.000	12 tháng	24/04/2018	10,00%	Hợp tác với Công ty CII E&C để thực hiện thi công xây dựng dự án BOT mở rộng Xa lộ Hà Nội và cho Công ty NBB vay để triển khai đầu tư dự án Delagi	15.000.000 cổ phiếu LGC
	200.000.000.000	4 tháng	25/09/2017	10,00%	Công ty mẹ sử dụng vốn vay này để cho CII E&C vay lại nhằm bổ sung vốn thi công xây dựng dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Thủ Thiêm	
	<b>400.000.000.000</b>	-				
Ngân hàng TMCP Hàng hải - CN Cộng hòa	100.000.000.000	6 tháng	26/10/2017	7,00%	Bổ sung vốn lưu động cho Công ty	5.500.000 cổ phiếu LGC
Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Sài Gòn	71.068.671.233	12 tháng	13/02/2018	9,00%	Bổ sung vốn lưu động hợp tác dự án De Lagi với Công ty NBB	4.000.000 cổ phiếu SII và 2.000.000 cổ phiếu LGC
Công ty CP Chứng Khoán Bản Việt	63.735.431.365	Đây là khoản thấu chi			Bổ sung vốn lưu động, mua cổ phiếu khi cần thiết	Không có tài sản đảm bảo
Ngân hàng BIDV- CN TP. Hồ Chí Minh	59.751.760.000	3 tháng	27/09/2017	6,05%	Bù đắp thiếu hụt thanh toán tạm thời	Khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng với giá trị là 60 tỷ đồng gửi tại ngân hàng này



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	30/06/2017		Phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
<b>Các khoản vay dài hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Sài Gòn	166.668.666.000	166.668.666.000	-	41.665.667.000	208.334.333.000	208.334.333.000
Ngân hàng TMCP Việt Á	106.000.000.000	106.000.000.000	-	94.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong- CN Thành phố Hồ Chí Minh	38.000.000.000	38.000.000.000	-	14.000.000.000	52.000.000.000	52.000.000.000
Ngân hàng BIDV - CN Tp. Hồ Chí Minh	-	-	4.504.475.618	620.041.964.054	615.537.488.436	615.537.488.436
Ngân hàng Vietinbank - CN 11, Tp. Hồ Chí Minh	-	-	-	130.991.000.000	130.991.000.000	130.991.000.000
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(156.171.334.000)	(156.171.334.000)			(250.622.334.000)	(250.622.334.000)
	<b>154.497.332.000</b>	<b>154.497.332.000</b>	<b>4.504.475.618</b>	<b>751.032.964.054</b>	<b>956.240.487.436</b>	<b>956.240.487.436</b>
<b>Trái phiếu phát hành</b>						
Trái phiếu hoán đổi cổ phần Công ty BOT Trung Lương- Mỹ Thuận phát hành năm 2015	462.851.000.000	462.851.000.000	-	-	462.851.000.000	462.851.000.000
Trái phiếu 650 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2014	238.044.000.000	240.000.000.000	652.000.000	50.000.000.000	287.392.000.000	290.000.000.000
Trái phiếu 1000 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2013	42.000.000.000	42.000.000.000	-	115.000.000.000	157.000.000.000	157.000.000.000
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	-	-			(100.000.000.000)	(100.000.000.000)
	<b>742.895.000.000</b>	<b>744.851.000.000</b>	<b>652.000.000</b>	<b>165.000.000.000</b>	<b>807.243.000.000</b>	<b>809.851.000.000</b>
<b>Cộng vay và trái phiếu</b>	<b>897.392.332.000</b>	<b>899.348.332.000</b>	<b>5.156.475.618</b>	<b>916.032.964.054</b>	<b>1.763.483.487.436</b>	<b>1.766.091.487.436</b>

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)**

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn:

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Sài Gòn	166.668.666.000	3 năm	25/04/2019	Lãi suất trong kỳ là 9%-10%	Bổ sung vốn hợp tác với Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII thi công xây dựng dự án BOT mở rộng Xa lộ Hà Nội	10.327.700 cổ phiếu SII
Ngân hàng TMCP Tiên Phong- CN Thành phố Hồ Chí Minh	38.000.000.000	3 năm	30/06/2019	Thả nổi, lãi suất trong năm là 8,6%	Bổ sung vốn hợp tác với Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII thi công xây dựng dự án BOT mở rộng Xa lộ Hà Nội	Quyền đòi số nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại và các lợi ích khác trong phạm vi 10% phần vốn góp tại Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn phát sinh từ Hợp đồng Đầu tư Xây dựng Cầu Sài Gòn 2.
Ngân hàng TMCP Việt Á	106.000.000.000	4 năm	30/06/2019	Thả nổi, lãi suất trong năm là 10,5%	Đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc (Khu chức năng số 3 và số 4) và hoàn thiện đường trục Bắc - Nam (đoạn từ chân cầu Thủ Thiêm 1 đến Mai Chí Thọ) trong khu đô thị mới Thủ Thiêm	9.133.815 cổ phiếu NBB và 500.000 cổ phiếu LGC cùng lợi tức kèm các lợi ích vật chất khác phát sinh từ tài các cổ phiếu này



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản trái phiếu chưa đáo hạn:

*Trái phiếu hoán đổi cổ phần Công ty BOT Trung Lương – Mỹ Thuận phát hành cho VIAC (No. 1) Limited Partnership*

- Mệnh giá: 1.000.000 VND/trái phiếu (một triệu đồng);
- Số lượng trái phiếu: 462.851;
- Tổng mệnh giá: 462.851.000.000 VND;
- Ngày phát hành: 9 tháng 7 năm 2015;
- Thời hạn trái phiếu: 42 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi suất: 8%/năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: Lãi sẽ được thanh toán hàng năm kể từ ngày hoàn tất cho đến ngày sớm hơn giữa (i) ngày mà trái phiếu đó đã được mua lại toàn bộ và đã được thanh toán đầy đủ tiền lãi và (ii) ngày đáo hạn;
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn;
- Điều khoản về hoán đổi: trái phiếu được quyền hoán đổi vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày ký hợp đồng cho đến ngày đáo hạn. Quyền hoán đổi được thực hiện cho bất kỳ trái phiếu nào đang còn lưu hành tại thời điểm đó;
- Giá hoán đổi: 10.000 VND. Tổng số cổ phần hoán đổi do nhà đầu tư nắm giữ sẽ tương đương với ít nhất 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận;
- Mục đích phát hành trái phiếu: bổ sung vốn lưu động tài trợ cho hoạt động kinh doanh;
- Tài sản đảm bảo: 20% và 30% cổ phần của Công ty BOT Trung Lương - Mỹ Thuận sở hữu lần lượt bởi CII B&R và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc.

*Trái phiếu 650 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2014*

- Mệnh giá: 1.000.000.000 VND;
- Số lượng: 650 trái phiếu;
- Đối tượng chào bán: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11, thành phố Hồ Chí Minh;
- Ngày phát hành: 28 tháng 2 năm 2014;
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng một lần kể từ và bao gồm ngày phát hành cho đến, nhưng không bao gồm ngày thanh toán lãi và ngày đáo hạn;
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn;
- Lãi suất: Lãi suất trong 6 tháng đầu tiên là 12%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất áp dụng theo lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần và được xác định bằng lãi huy động tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam + biên độ 3,6%/năm;
- Mục đích: Đầu tư vào Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu, góp vốn điều lệ vào CII B&C, mua cổ phần SII, đầu tư vào dự án BOT Mở rộng Xa lộ Hà Nội và cơ cấu lại khoản vay tại Vietinbank.

Đến ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính này, Công ty đã mua lại trước hạn 410 trái phiếu tương đương tổng mệnh giá là 410 tỷ VND.

*Trái phiếu 1.000 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2013*

- Mệnh giá: 1.000.000.000 VND;
- Số lượng: 1.000 trái phiếu;
- Đối tượng chào bán: Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 11, Tp. Hồ Chí Minh;
- Hình thức trái phiếu: trái phiếu ghi sổ;
- Ngày phát hành: 17 tháng 4 năm 2013;
- Thời hạn trái phiếu: 6 năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng một lần kể từ bao gồm ngày phát hành cho đến, nhưng không bao gồm ngày thanh toán lãi và ngày đáo hạn;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo) **MẪU SỐ B 09a-DN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn;
- Lãi suất: 13,2%/năm.
- Mục đích: Đầu tư vào dự án Cầu Sài Gòn 2.

Đến ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính này, Công ty đã mua lại trước hạn 958 trái phiếu tương đương tổng mệnh giá là 958 tỷ VND.

**Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:**

*Vay dài hạn*

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Trong vòng một năm	156.171.334.000	250.622.334.000
Trong năm thứ hai	111.595.667.000	275.773.333.334
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	42.901.665.000	680.467.154.102
	<b>310.668.666.000</b>	<b>1.206.862.821.436</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(156.171.334.000)	(250.622.334.000)
<b>Cộng</b>	<b>154.497.332.000</b>	<b>956.240.487.436</b>

*Trái phiếu*

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Trong vòng một năm	-	100.000.000.000
Trong năm thứ hai	-	57.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	744.851.000.000	752.851.000.000
Sau năm năm	-	-
	<b>744.851.000.000</b>	<b>909.851.000.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	-	(100.000.000.000)
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	(1.956.000.000)	(2.608.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>742.895.000.000</b>	<b>807.243.000.000</b>

(\*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ được hoàn nhập dần vào kết quả kinh doanh trong tương lai theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**21. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI**

	30/06/2017		Phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2016 cho RAM	899.998.169.720	902.480.000.000	899.998.169.720	-	-	-
Trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2014	12.990.000.000	12.990.000.000	-	54.766.000.000	67.756.000.000	67.756.000.000
<b>Cộng</b>	<b>912.988.169.720</b>	<b>915.470.000.000</b>	<b>899.998.169.720</b>	<b>54.766.000.000</b>	<b>67.756.000.000</b>	<b>67.756.000.000</b>

Các trái phiếu chuyển đổi đáo hạn theo lịch biểu sau:

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	915.470.000.000	67.756.000.000
<b>Cộng</b>	<b>915.470.000.000</b>	<b>67.756.000.000</b>
Trừ: Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu ghi nhận vào vốn chủ sở hữu	(2.481.830.280)	-
<b>Cộng</b>	<b>912.988.169.720</b>	<b>67.756.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**21. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI** (tiếp theo)

Trái phiếu chuyển đổi trong đợt phát hành vào tháng 6 năm 2014 với tổng mệnh giá là 1.081.846.000.000 VND. Thông tin chi tiết như sau:

- Mệnh giá: 1.000.000 VND;
- Giá chào bán: 100% mệnh giá;
- Đối tượng chào bán: Các cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên của Công ty;
- Kỳ hạn: 5 năm kể từ ngày phát hành. Trái phiếu được phép chuyển đổi sau 06 tháng kể từ ngày phát hành chia thành 06 đợt như sau:
  - + Đợt 1: 06 tháng kể từ ngày phát hành;
  - + Đợt 2: 12 tháng kể từ ngày phát hành;
  - + Đợt 3: 24 tháng kể từ ngày phát hành;
  - + Đợt 4: 36 tháng kể từ ngày phát hành;
  - + Đợt 5: 48 tháng kể từ ngày phát hành;
  - + Đợt 6: 60 tháng kể từ ngày phát hành.Vào ngày đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, toàn bộ trái phiếu chưa chuyển đổi sẽ được hoàn trả vốn gốc và lãi cho trái chủ.
- Lãi trái phiếu: 12%/năm, được thanh toán 1 năm/lần kể từ ngày phát hành trái phiếu;
- Giá chuyển đổi: 11.000 VND/cổ phần;
- Phương thức chào bán: chào bán riêng lẻ;
- Ngày phát hành: ngày 23 tháng 6 năm 2014;
- Mục đích sử dụng vốn: Công ty đã sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu để đầu tư vào Công ty CII E&C với số tiền là 120 tỷ đồng, hoàn trả một phần nợ gốc trái phiếu phát hành năm 2007 với số tiền là 500 tỷ đồng và bổ sung vốn lưu động cho Công ty là 58,615 tỷ đồng. Số tiền còn lại 403.010.473.556 đồng được đầu tư vào dự án xây dựng cao ốc văn phòng 152 Điện Biên Phủ. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã giải ngân 88,69 tỷ đồng cho dự án này. Sau khi có đầy đủ hồ sơ pháp lý dự án, Công ty sẽ góp tiếp số tiền là 314,31 tỷ đồng cho dự án theo đúng phương án phát hành. Trong thời gian chờ giải ngân tiếp, để đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn được hiệu quả, số tiền còn lại đang được gửi tiết kiệm tại ngân hàng là 144,5 tỷ đồng (*xem khoản mục Tiền và các khoản tương đương tiền*) và số tiền còn lại tạm thời Công ty đang hỗ trợ cho Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội (XLHN) để đảm bảo năng lực thi công cho dự án đầu tư mở rộng Xa Lộ Hà Nội trong thời gian chưa giải ngân được vốn vay từ ngân hàng.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã tiến hành 4 đợt chuyển đổi trái phiếu với tổng số lượng trái phiếu là 1.068.856, tương đương tổng mệnh giá là 1.068.856.000.000 VND, số lượng cổ phiếu được chuyển đổi là 97.158.597 cổ phiếu.

Trong kỳ, Công ty đã phát hành thành công trái phiếu chuyển đổi với trị giá 40 triệu Đô la Mỹ theo thông tin chi tiết như sau:

- Mệnh giá: 100.000 Đô la Mỹ;
- Số lượng chào bán : 400 trái phiếu;
- Giá chào bán: 100% mệnh giá;
- Đối tượng chào bán: chào bán riêng lẻ cho Quỹ đầu tư Rhinos Vietnam Convertible Bond Private Investment Fund No. 1 thông qua nhà đầu tư được ủy thác là Keb Hana Bank Trustee and Custodian Business;
- Kỳ hạn: 5 năm kể từ ngày phát hành và có thể được gia hạn năm (05) lần mỗi lần một (01) năm;
- Ngày phát hành: ngày 5 tháng 1 năm 2017;
- Lãi trái phiếu: 1%/năm, được thanh toán 6 tháng/lần kể từ ngày phát hành;
- Mua lại trước hạn theo quyền chọn bán của Trái chủ: sau ba (03) năm kể từ ngày phát hành, với lãi suất tính giá mua lại là 3%/năm. Mệnh giá mua lại tối thiểu là 3 triệu Đô la Mỹ và là bội số của 100.000 Đô la Mỹ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo) **MẪU SỐ B 09a-DN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**21. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI** (tiếp theo)

- Mua lại trước hạn theo quyền chọn bán của Tổ chức phát hành: sau ba (03) năm kể từ ngày phát hành, Công ty được quyền mua lại tối đa 50% số mệnh giá trái phiếu đã phát hành với lãi suất tính giá mua lại là 4,5%/năm. Mệnh giá mua lại tối thiểu là 3 triệu Đô la Mỹ và là bội số của 100.000 Đô la Mỹ.
- Trái phiếu được phép chuyển đổi sau một (01) năm kể từ ngày phát hành với tỷ giá quy đổi là 22.660 VND/USD và giá chuyển đổi là 38.500 VND/cổ phần. Mệnh giá trái phiếu chuyển đổi tối thiểu là 500.000 Đô la Mỹ và là bội số của 100.000 Đô la Mỹ.
- Mục đích sử dụng vốn: tài trợ cho dự án hạ tầng BT ở Thủ Thiêm bằng cách góp vốn vào Công ty TNHH MTV Bắc Thủ Thiêm.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

## 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 1/1/2016</b>	<b>2.280.640.380.000</b>	<b>150.831.459.777</b>	-	<b>(196.643.412.000)</b>	<b>119.870.298.143</b>	<b>39.668.146.137</b>	<b>2.394.366.872.057</b>
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	457.641.990.000	229.369.893.100	-	-	-	-	687.011.883.100
Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP	10.000.000.000	-	-	-	-	-	10.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	794.419.018.905	794.419.018.905
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(607.565.681.000)	-	-	(607.565.681.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(328.435.226.600)	(328.435.226.600)
Chia lợi nhuận hợp tác đầu tư cho CII B&R (i)	-	-	-	-	-	(19.667.092.389)	(19.667.092.389)
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	40.315.529.283	(80.631.058.566)	(40.315.529.283)
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>2.748.282.370.000</b>	<b>380.201.352.877</b>	-	<b>(804.209.093.000)</b>	<b>160.185.827.426</b>	<b>405.353.787.487</b>	<b>2.889.814.244.790</b>
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	49.781.780.000	4.984.220.000	-	-	-	-	54.766.000.000
Quyền chuyển đổi của trái phiếu chuyển đổi phát hành trong kỳ	-	-	2.481.830.280	-	-	-	2.481.830.280
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	88.183.200.360	88.183.200.360
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(132.696.699.849)	-132.696.699.849
Chia lợi nhuận hợp tác đầu tư cho CII B&R (i)	-	-	-	-	-	(8.316.929.186)	(8.316.929.186)
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	32.828.130.533	(65.656.261.066)	(32.828.130.533)
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>2.798.064.150.000</b>	<b>385.185.572.877</b>	<b>2.481.830.280</b>	<b>(804.209.093.000)</b>	<b>193.013.957.959</b>	<b>286.867.097.746</b>	<b>2.861.403.515.862</b>

(i) Khoản chia lợi nhuận từ hoạt động thu phí trạm Xa Lộ Hà Nội để hoàn vốn đầu tư cầu Rạch Chiếc cho Công ty CII B&R được thực hiện theo hợp đồng hợp tác đầu tư quyền thu phí như đã trình bày tại Thuyết minh số 19.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)** MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**Cổ phần**

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	279.806.415	274.828.237
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	279.806.415	274.828.237
+ Cổ phần phổ thông	279.806.415	274.828.237
Số lượng cổ phần đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	(33.561.510)	(33.561.510)
+ Cổ phần phổ thông	(33.561.510)	(33.561.510)
Số lượng cổ phần đang lưu hành	246.244.905	241.266.727
+ Cổ phần phổ thông	246.244.905	241.266.727
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần		

**Cổ tức**

Trong kỳ, Công ty đã chia cổ tức năm 2016 đợt 3 với tỷ lệ 5,5% tương ứng với số tiền 132.696.699.850 đồng cho 241.266.727 cổ phiếu.

**23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Doanh thu thu phí giao thông trạm Xa lộ Hà nội hoàn vốn đầu tư dự án Cầu Rạch Chiếc		
Doanh thu quý 1	91.275.875.000	96.935.710.000
Doanh thu quý 2	91.088.160.000	100.913.420.000
	<b>182.364.035.000</b>	<b>197.849.130.000</b>
Hoàn nhập lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	(7.788.000.000)	(7.788.000.000)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>174.576.035.000</b>	<b>190.061.130.000</b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	124.007.543.800	134.537.408.400
<b>Cộng</b>	<b>124.007.543.800</b>	<b>134.537.408.400</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo) **MẪU SỐ B 09a-DN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	164.406.987.228	132.215.062.582
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	43.167.908.288	41.134.601.793
Lãi chậm thanh toán	3.978.112.304	-
Lãi đầu tư trái phiếu	1.801.388.889	25.793.827.777
Lợi nhuận từ chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính	59.451.706	392.276.282.011
<b>Cộng</b>	<b>213.413.848.415</b>	<b>591.419.774.163</b>
<i>Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty CII B&R	109.793.326.936	104.605.977.626
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	39.258.379.737	6.828.162.539
Công ty NBB	30.523.051.419	2.815.886.730
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	8.100.000.000	-
Công ty CII E&C	2.192.355.299	6.534.522.552
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	1.452.206.699	6.267.951.907
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ gia	398.577.083	351.158.888
Công ty TNHH MTV Bắc Thủ Thiêm	91.777.778	-
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	-	24.384.674
	<b>191.809.674.951</b>	<b>127.428.044.916</b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí lãi vay	138.158.839.434	166.851.499.001
Chi phí chi phí bảo lãnh, phát hành trái phiếu (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	1.614.486.619	9.196.663.738
Lỗ và chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính	5.437.555.622	24.112.413.980
Lãi chậm thanh toán	1.857.798.784	8.424.844.724
Lãi chậm thanh toán	2.178.698.279	-
Hoàn nhập lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm trước của trái phiếu chuyển đổi bằng ngoại tệ	-	(42.205.116.900)
Chi phí tài chính khác	1.287.388.560	1.215.704.292
<b>Cộng</b>	<b>150.534.767.298</b>	<b>167.596.008.835</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<i>Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty CII B&R	11.187.810.571	6.588.344.182
Công ty VPPI	11.115.698.710	7.469.852.966
Công ty CII E&C	9.158.335.021	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	7.332.095.118	7.462.411.776
Công ty TNHH MTV Bắc Thủ Thiêm	3.627.555.556	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	2.702.800.000	2.662.844.444
Công ty SII	2.178.698.279	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	-	110.356.258
	<b>47.302.993.255</b>	<b>24.293.809.626</b>

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí in vé thu phí giao thông	331.663.925	340.119.621
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.203.602.631	1.305.804.258
<b>Cộng</b>	<b>1.535.266.556</b>	<b>1.645.923.879</b>

**28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	18.627.336.718	11.935.958.974
Chi phí đồ dùng văn phòng	145.202.902	287.898.712
Chi phí khấu hao	193.935.120	193.935.120
Thuế, phí và lệ phí	134.657.033	439.917.458
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng	-	(45.000.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.941.316.326	3.447.061.299
Chi phí bằng tiền khác	668.032.908	527.278.818
<b>Cộng</b>	<b>23.710.481.007</b>	<b>(28.167.949.619)</b>

**29. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Các khoản phạt vi phạm thuế	18.624.394	49.978.334

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>88.183.200.360</b>	<b>505.819.534.334</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	1.085.675.000	115.677.970
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(164.406.987.228)	(132.215.062.582)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(75.138.111.868)</b>	<b>373.720.149.722</b>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	74.744.029.944
Thuế TNDN năm trước bổ sung	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>74.744.029.944</b>

Trong kỳ, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế.

**31. THU NHẬP BAN GIÁM ĐỐC ĐƯỢC HƯỞNG TRONG KỲ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lương	2.552.218.710	4.026.929.624
Thưởng và các khoản thu nhập khác	13.462.968.474	9.174.748.591
<b>Cộng</b>	<b>16.015.187.184</b>	<b>13.201.678.215</b>

**32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ**

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, Công ty đã hoàn tất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ ra thị trường quốc tế cho INDUSTRIAL BANK OF KOREA, bên nhận ủy thác của RHINOS VIETNAM CONVERTIBLE BOND PRIVATE INVESTMENT FUND NO.2 để thu về số tiền 20 triệu USD với lãi suất trái phiếu là 1%/năm, giá chuyển đổi 38.500 đồng/cổ phiếu.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017, CII đã phát hành riêng lẻ thành công 200 tỷ đồng giá trị Trái phiếu đảm bảo giao dịch với một số điều khoản cơ bản như sau:

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.000.000;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không tài sản đảm bảo, được Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh - HSC đảm bảo giao dịch (khi nhà đầu tư có nhu cầu bán lại Trái phiếu thì HSC cam kết mua, và ngược lại khi nhà đầu tư có nhu cầu mua Trái phiếu thì HSC sẵn sàng bán.
- Kỳ hạn: 2 năm
- Lãi trái phiếu: lãi suất áp dụng cho năm thứ 1 là 8%/năm. Năm thứ 2, lãi suất được tính bằng bình quân lãi suất huy động tiền gửi doanh nghiệp bằng VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau được công bố bởi 4 Ngân Hàng Thương Mại: BIDV, Vietcombank, Vietinbank và Agribank +1%/năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

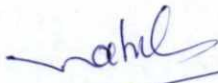
**32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Ngày 24 tháng 7 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty đã họp để thông qua một số nội dung chủ yếu sau:

- Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với số lượng dự kiến là 23.122.452 cổ phiếu, giá chào bán là 15.000 đồng/cổ phiếu. Tỷ lệ thực hiện quyền: 2:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 02 cổ phần sẽ được hưởng 02 quyền mua và cứ 02 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu mới). Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến: 1.846.836.780.000 đồng;
- Chào bán riêng lẻ cho Quỹ Đầu tư Rhinos Asset Management hoặc đơn vị được ủy thác bởi Quỹ (RAM) với khối lượng dự kiến là 17.715.584 cổ phiếu, giá chào bán là 26.040 đồng/cổ phiếu.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, Công ty đã phát hành thành công và thu về 300 tỷ đồng trái phiếu để tăng quy mô vốn hoạt động của công ty. Một số thông tin cơ bản của trái phiếu đã phát hành như sau:

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 3.000.000;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không tài sản đảm bảo,
- Kỳ hạn: 2 năm
- Lãi trái phiếu: 10,5%/năm
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau.



Nguyễn Thị Tuyết Nhung  
Người lập biểu  
Ngày 29 tháng 8 năm 2017



Nguyễn Thị Mai Hương  
Kế toán trưởng



Lê Quốc Bình  
Tổng Giám đốc